TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẠ LANG** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST
Ngày 24/5/2022
V/v: Ly hôn với một người bị tuyên bố mất tích

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ LANG, TỈNH CAO BẰNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Sầm Đức Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ma Văn Kết

2. Ông Bế Minh Huynh

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Linh Thị Hiến – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng: Bà Lương Thị Dim - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 16/2021/TLST-HNGĐ ngày 29/4/2022 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 313/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Triệu Thị H1, sinh năm 1994.

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Xóm LĐ, xã ML, huyện HL, tỉnh Cao Bằng. *(Có mặt).*

2. Bị đơn: Anh Trần Văn H2, sinh năm 1990. Đã bị tuyên bố mất tích theo Quyết định tuyên bố một người mất tích số 05/2022/QĐST-DS ngày 30/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.

Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Xóm LĐ, xã ML, huyện HL, tỉnh Cao Bằng. *(Vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu trong hồ sơ vụ án và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Triệu Thị H1 trình bày:

Chị Triệu Thị H1 và anh Trần Văn H2 tổ chức cưới theo phong tục tập quán vào năm 2012, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ML, huyện HL, tỉnh Cao Bằng vào ngày 11/12/2012. Thời gian đầu, cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc. Tháng 4/2017, anh H2 bỏ nhà theo người phụ nữ khác, khi đi không thông báo cho ai, chị và gia đình đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng vẫn không có tin tức gì. Chị H1 không thể tiếp tục chờ đợi và sau này không thể chung sống. Ngày 25/10/2021, chị H1 làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố mất tích đối với anh Trần Văn H2. Ngày 30/3/2022, Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng đã tuyên bố mất tích đối với anh H2 theo Quyết định số 05/2022/QĐST-DS. Kể từ khi tuyên bố mất tích cho đến nay cũng không có tin tức gì đối với anh Trần văn H2. Nay chị H1 xác định tình cảm vợ chồng không còn và để ổn định cuộc sống, chị yêu cầu được giải quyết ly hôn với anh H2. Về con chung: Có 01 con chung, tên Triệu Trần Đức Tr, sinh ngày 13/11/2013. Hiện con đang ở với chị Hà, do anh H2 mất tích nên chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn Trần Văn H2 đã bị Tòa án tuyên bố mất tích từ ngày 30/3/2022. Do đó, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không thể lấy lời khai và tiến hành hòa giải được. Tòa án căn cứ vào tài liệu do nguyên đơn cung cấp và các căn cứ theo quy định của pháp luật để xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Chị Triệu Thị H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Thư ký và Hội thẩm nhân dân đều tuân thủ đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình 2014: Chấp nhận yêu cầu của chị H1 về việc ly hôn với anh H2. Giao con chung cho chị H1 là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí tại Tòa án. Chị H1 phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Chị Triệu Thị H1 có đơn yêu cầu ly với anh Trần Văn H2,

anh H2 đã Tòa án bị tuyên bố mất tích; nơi cư trú cuối cùng tại xóm LĐ, xã ML, huyện HL, tỉnh Cao Bằng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án về ly hôn với một người mất tích và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.

[2]. *Về sự vắng mặt của bị đơn:* Do anh Trần Văn H2 đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh anh H2 vẫn vắng mặt tại địa phương và tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định. Căn cứ khoản 2 Điều 207, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Triệu Thị H1 với anh Trần Văn H2 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ML, huyện HL, tỉnh Cao Bằng kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình do đó hôn nhân hợp pháp từ ngày có đăng ký kết hôn. Xét yêu cầu ly hôn của chị H1, thấy rằng: Việc anh H2 bỏ đi khỏi địa phương mà không cho chị H1 biết là đi đâu, cũng không cung cấp địa chỉ hoặc liên lạc thông tin với chị H1 và gia đình, chứng tỏ anh H2 đã không còn quan tâm và mưu cầu xây dựng hạnh phúc gia đình. Hai vợ chồng đã sống ly thân kể từ tháng 4 năm 2017 cho đến nay chứng tỏ mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ngày 30/3/2022, Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang đã tuyên bố mất tích đối với anh Trần Văn H2, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và cho đến nay vẫn không có tin tức gì về anh H2. Vì vậy, áp dụng khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H1 là có căn cứ và hợp pháp.

[4]. *Về con chung:* Cháu Triệu Trần Đức Tr, sinh ngày 13/11/2013 là con chung của chị H1 và anh H2. Hiện cháu Tr đang ở với chị H1 và cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy: Việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là nghĩa vụ của cả bố mẹ, tuy nhiên hiện nay anh H1 đã bỏ đi khỏi địa phương và bị Tòa án tuyên bố mất tích do đó không thể thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Vì vậy, giao cháu Tr cho chị H1 là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu Tr tròn 18 tuổi hoặc có Bản án, quyết định khác thay thế và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

[5]. *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị H1 trình bày, vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Về án phí:* Chị H1 phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 207; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên bố, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị H1. Chị Triệu Thị H1 được ly hôn với anh Trần Văn H2.

2. Về con chung: Cháu Triệu Trần Đức Tr, sinh ngày 13/11/2013 là con chung của chị H1 và anh H2. Giao con chung Triệu Trần Đức Tr cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu Tr tròn 18 tuổi hoặc có Bản án (Quyết định) khác thay thế và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Triệu Thị H1 phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận chị H1 đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hạ Lang.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Triệu Thị H1 có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Văn H2 có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Hạ Lang;
- CCTHADS huyện Hạ Lang;
- UBND xã ML;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Sầm Đức Hiệp